QUAN HỆ NHẬT BẢN – ASEAN TRONG BỐI CẢNH HỘI NHẬP CHÂU Á

TRẦN QUANG MINH*

Quan hệ giữa Nhật Bản và các nước Đông Nam Á vốn là mối quan hệ có nguồn gốc từ rất lâu trong lịch sử. Ngay từ khoảng giữa thế kỷ thứ XV, những thương nhân Nhật Bản đã có mặt ở Đông Nam Á. Khi đó, Hội An của Việt Nam đã trở thành cảng biển lớn nhất trong khu vực, là nơi trung chuyển hàng hoá và giao lưu văn hoá giữa Nhật Bản với các nước Đông Nam Á. Nguồn gốc sâu xa của mối quan hệ này chính là những lợi ích mà hai bên có thể có được từ việc khai thác các lợi thế so sánh vốn có của mỗi bên phục vụ cho quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Nhật Bản là nước nghèo tài nguyên thiên nhiên, song lại có tiềm năng về khoa học công nghệ. Là một nước công nghiệp phát triển muộn hơn so với các nước Âu - Mỹ, Nhật Bản không những cần nguyên, nhiên, vật liệu mà còn cần cả vốn, lao động và thị trường tiêu thụ. Trong khi đó Đông Nam Á có thể được coi là mảnh đất màu mỡ với nhiều tiềm năng chưa được khai thác. Đó là một khu vực giầu tài nguyên thiên nhiên, giao thông thuận tiện, với nguồn lao động rẻ và phong phú, và cũng là một thị trường khá lớn với dân số hơn 500 triệu người. Chính vì vậy mà từ lâu Nhật Bản đã để ý đến khu vực này và bằng những con đường khác nhau nhằm khai thác các tiềm năng ở đây.

Tuy nhiên, quan hệ Nhật Bản - Đông Nam Á không phải lúc nào cũng thuận buồm xuôi gió. Trước Chiến tranh Thế giới thứ hai, với khẩu hiệu "xây dựng khu vực thịnh vượng chung Đại Đông Á", Nhật Bản đã tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược và bóc lột thuộc địa ở khu vực này. Mặc dù với sự thất bại thảm hại của chủ nghĩa phát xít Nhật sau chiến tranh, Nhật Bản đã phải từ bỏ mọi ý định gây chiến và tham chiến mà chỉ tập trung vào phát triển kinh tế dưới sự bảo trợ của chiếc ô quân sự Mỹ. Nhưng những dư âm của chủ nghĩa phát xít Nhật và thực tế bóc lột thuộc địa thâm độc đối với các nước Đông Nam Á vẫn còn ám ảnh các nước này cho đến tận ngày nay. Chính vì vậy mà nhiều cố gắng của Nhật Bản trong việc thúc đẩy và mở rộng hơn nữa các quan hệ hợp tác với các nước Đông Nam Á đã không tránh khỏi gặp phải những khó khăn nhất định. Mặc dù vậy, có thể nói rằng trong hơn nửa thế kỷ kể từ sau Chiến tranh Thế giới thứ hai đến nay, nhất là từ sau khi ASEAN được thành lập (1967), với những nỗ lực của cả hai bên và sự hiểu biết lẫn nhau ngày càng tăng, quan hệ Nhật Bản - ASEAN đã đạt được những thành tựu rất đáng khích lệ, góp phần đáng kể vào sự phát triển hoà bình, ổn định và thịnh vượng của khu vực. Đặc biệt là trong bối cảnh xu thế hội nhập Đông Á ngày càng trở nên rõ nét, các quan hệ hợp tác giữa Nhật Bản và ASEAN đã có những tác động quan

* Tiến sĩ, Phó viện trưởng Viện Nghiên cứu Đông Bắc Á

trọng vào tiến trình xây dựng cộng đồng ASEAN nói riêng và tiến trình hội nhập Đông Á nói chung.

1. Tổng quan về quan hệ Nhật Bản - ASEAN và những tác động đến sự phát triển của ASEAN

Quan hệ với các nước Đông Nam Á luôn là một trọng tâm trong chính sách đối ngoại của Nhật Bản. Ngay từ thời kỳ Chiến tranh Lạnh, Nhật Bản đã đưa ra nhiều sáng kiến về hợp tác khu vực Đông Á như sáng kiến của Ngoại trưởng Okita về hợp tác kinh tế Thái Bình Dương (Pacific Economic Cooperation) đầu những năm 1960. Năm 1966, Nhật Bản tổ chức Hội nghị cấp bộ trưởng về phát triển kinh tế ở Đông Nam Á. Tuy nhiên, bước thay đổi quan trọng trong chính sách của Nhật Bản đối với Đông Nam Á chỉ được thể hiện một cách rõ nét kể từ năm 1977 trong chuyến thăm Manila của Thủ tướng Nhật Bản Fukuda. Trong chuyến thăm này, Thủ tướng Nhật Bản đã nhấn mạnh đến việc cần phải xây dựng cầu nối giữa ASEAN và Nhật Bản với một số bước đi thích hợp mà sau này được biết đến như là học thuyết Fukuda với ý tưởng quay trở lại Châu Á của Nhật Bản. Kể từ đó đến nay, quan hệ hợp tác giữa Nhật Bản và ASEAN ngày càng được củng cố và phát triển theo thời gian và qua hàng loạt các cuộc hội đàm cấp cao của các nhà lãnh đạo hai bên. Trong chuyến thăm các nước ASEAN vào tháng 5/1991, Thủ trướng Nhật Bản Toshiki Kafu một lần nữa đã nhấn mạnh đến vai trò, sức mạnh kinh tế của Nhật Bản và cam kết tiếp tục viện trợ cho các nước ASEAN. Tiếp đó, năm 1993, Thủ tướng Nhật Bản Miyazawa đã đưa ra quan điểm hợp tác tập trung vào 4 điểm chính là: (1) tăng cường hợp tác ổn định khu vực; (2) tiếp tục phát triển kinh tế; (3) hợp tác giải quyết các vấn đề toàn cầu; và (4) phối hợp với ASEAN để phát triển Đông Dương (thành lập Diễn đàn phát triển toàn diện Đông Dương). Trong dịp kỷ niệm lần thứ 30 ngày thành lập ASEAN vào năm 1997, Thủ tướng Nhật Bản Hashimoto đã công bố học thuyết mới nêu bật chính sách đối ngoại của Nhật Bản ở khu vực Châu Á - Thái Bình Dương trong đó đặc biệt chú trọng tới các nước ASEAN bao gồm 3 điểm chính là: (1) tăng cường hơn nữa quan hệ Nhật Bản - ASEAN, tiến hành trao đổi định kỳ cấp cao Nhật Bản - ASEAN; (2) đánh giá vai trò của ASEAN và việc mở rộng ASEAN 10, hy vọng sẽ tiếp tục mở cửa với thế giới, hướng ra toàn cầu; và (3) bày tỏ quyết tâm của Nhật Bản chuyển mối quan hệ của Nhật Bản từ chỗ lấy quan hệ hợp tác kinh tế làm trung tâm sang các lĩnh vực chính trị, an ninh, văn hoá, phúc lợi xã hội và các vấn đề toàn cầu. Cơ chế hợp tác ASEAN + 3 cũng xuất phát từ sáng kiến của Thủ tướng Nhật Bản Hashimoto năm 1996 về việc tổ chức gặp gỡ thượng đỉnh Nhật Bản - ASEAN. Chính trên cơ sở sáng kiến này mà ASEAN đã đưa ra đề nghị cuộc gặp thượng đỉnh đó được mở rộng cho cả Trung Quốc và Hàn Quốc và đã được các bên chấp nhận.

Tiếp đó, trong cuộc gặp gỡ cấp cao ASEAN + 3 ở Manila, Thủ tướng Nhật Bản Obuchi đã đưa ra một kế hoạch toàn diện để tăng cường và trao đổi các nguồn nhân lực ở Đông Á, theo đó số tiền 80 tỉ USD mà Nhật Bản hứa giúp các nước trong khu vực để giảm bớt gánh nặng khủng hoảng tài chính sẽ tiếp tục được sử dụng cho việc phát triển tập trung vào "con người"[1]. Cũng trong cuộc gặp gỡ này Thủ tướng Obuchi khẳng định Nhật Bản sẵn sàng tăng cường và mở rộng sự hỗ trợ kinh tế giúp các nước ASEAN giảm bớt khoảng cách giữa các nước thành viên và nâng cao năng lực của tổ chức ASEAN.

---

[1]. Thông cáo báo chí của Thủ tướng Keizo Obuchi, xem Website của Bộ Ngoại giao Nhật Bản http://www.mofa.go.jp

Tiếp theo, trong chuyến thăm 5 nước ASEAN tháng 1/2002, Thủ tướng Nhật Bản Koizumi đã đưa ra ý tưởng thành lập khối cộng đồng Đông Á mở rộng, trong đó đặc biệt nhấn mạnh sự hợp tác toàn diện Nhật Bản - ASEAN với các mục tiêu cụ thể là cải cách và phồn vinh, hợp tác vì sự ổn định và hợp tác vì tương lai. Trong chuyến thăm này, Thủ tướng Nhật Bản đã đưa ra 5 sáng kiến nhằm mở rộng phạm vi hợp tác ở Đông Á[(2)]. Một trong những sáng kiến đó là việc tổ chức hội nghị cấp bộ trưởng ASEAN + 3 về sáng kiến phát triển ở Đông Á (Initiative for Development in East Asia - IDEA) đã được thực hiện bằng cuộc gặp gỡ đầu tiên tại Tokyo tháng 8/2002. Tại cuộc gặp gỡ này, Thủ tướng Nhật Bản đã nhấn mạnh đến vai trò của viện trợ phát triển chính thức (ODA) như một cơ sở để tăng trưởng kinh tế thông qua việc xây dựng cơ sở hạ tầng và thực hiện phát triển "tập trung vào con người" bắt đầu từ giáo dục và cam kết dù đang gặp nhiều khó khăn về kinh tế, Chính phủ Nhật Bản sẽ tích cực giúp đỡ các nước Đông Nam Á thông qua viện trợ.

Như vậy có thể thấy là Nhật Bản đã đóng một vai trò tích cực trong tiến trình phát triển của ASEAN và thể hiện ý muốn trở thành một đầu tàu về hợp tác Đông Á. Những sự kiện này cũng cho thấy rõ các nước ASEAN luôn có vị trí vai trò hết sức quan trọng đối với Nhật Bản. Điều này không chỉ thể hiện ở trên bàn ngoại giao, ở mong muốn của mỗi bên mà còn được thể hiện rất rõ trong các quan hệ hợp tác kinh tế giữa Nhật Bản và ASEAN. Quan hệ hợp tác này tập trung vào một số lĩnh vực chủ yếu sau:

- *Về quan hệ thương mại*: các nước ASEAN ngày càng trở thành thị trường quan trọng của Nhật Bản và trên thực tế kim ngạch thương mại hai chiều của Nhật Bản với ASEAN liên tục tăng lên qua các năm. Năm 1990, tỷ trọng xuất khẩu của Nhật Bản vào các nước ASEAN đạt 11,49% tổng giá trị xuất khẩu của Nhật Bản, (33,66% giá trị xuất khẩu của Nhật Bản vào Châu Á). Năm 1993 đạt 13,71% (33,51% tổng xuất khẩu của Nhật Bản vào Châu Á). Tính đến năm 1996, xuất khẩu của Nhật Bản vào khu vực này đã tăng liên tục 14 năm liền và nhập khẩu tăng 9 năm liền. Kể từ năm 1997, do chịu ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế ở khu vực nên quan hệ thương mại giữa hai bên có xu hướng chững lại. Tuy nhiên, tính chung trong giai đoạn 1998 - 2006, kim ngạch buôn bán trung bình hàng năm giữa Nhật Bản và ASEAN tăng 15%. ASEAN thường xuyên cung cấp cho Nhật Bản khoảng 16% nhu cầu dầu mỏ, 30% đồng, 35% bôxít, 12% kẽm, 37% gỗ, 100% thiếc và cao su tự nhiên. Với sự gia tăng mậu dịch như vậy nên Nhật Bản đã trở thành một trong những bạn hàng lớn nhất của ASEAN. Nếu việc thiết lập khu vực mậu dịch tự do (FTA) giữa hai bên thành công, vào năm 2020, Nhật Bản có thể xuất khẩu sang ASEAN khoảng 67 tỷ USD/năm (gấp 1,5 lần so với hiện nay).

- *Về đầu tư trực tiếp của Nhật Bản vào ASEAN*: cùng với sự phát triển của quan hệ thương mại, đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) của Nhật Bản vào ASEAN cũng gia tăng nhanh chóng trong hơn hai thập niên gần đây kể từ sau Hiệp ước Plaza (1985). Sự mở rộng này đã giữ một vai trò quan trọng trong tăng trưởng kinh tế của các nước ASEAN. Năm 1986, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài của Nhật Bản vào ASEAN chỉ

(2). Xem diễn văn của Thủ tướng Junichiro Koizumi ngày 14/1/2002, Website của Bộ Ngoại giao Nhật Bản http://www.mofa.go.jp

chiếm khoảng 3,8% trong tổng số vốn đầu tư trực tiếp của Nhật Bản trên toàn cầu, thì đến năm 1990 tỷ lệ đó đã tăng lên đến 6,6%. Những năm tiếp theo, mặc dù nền kinh tế Nhật Bản bước vào suy thoái, tổng FDI của Nhật Bản trên toàn cầu giảm sút đáng kể nhưng tỷ lệ đầu tư vào ASEAN vẫn tiếp tục tăng mạnh, đạt 10,3% và 14% tương ứng vào các năm 1995 và 1997. Do tác động của cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ Châu Á, đầu tư của Nhật Bản vào khu vực ASEAN đã giảm từ mức 9,7% trong tổng đầu tư của Nhật Bản ra nước ngoài xuống còn 5,8% vào năm 1999. Tuy nhiên, nếu tính chung trong các năm từ 1995 đến 1999, Nhật Bản vẫn đứng đầu trong danh sách các nhà đầu tư nước ngoài vào khu vực này. Kể từ những năm đầu thế kỷ XXI đến nay, đầu tư của Nhật Bản vào các nước ASEAN vẫn tiếp tục gia tăng, đặc biệt là vào các nền kinh tế đang trong quá trình chuyển đổi như Việt Nam, Lào, Mianma... Đầu tư trực tiếp nước ngoài của Nhật Bản đã đem lại nhiều lợi ích cho các nước ASEAN. Có thể nói rằng, những thành tựu của các nước ASEAN đạt được trong thời gian qua một phần đáng kể được tạo bởi sự trợ giúp quan trọng về vốn thông qua các khoản đầu tư trực tiếp nước ngoài nói chung và của Nhật Bản nói riêng. Nếu như không có đầu tư trực tiếp nước ngoài trong đó đặc biệt là FDI từ Nhật Bản thì các nước ASEAN khó có thể nhanh chóng khôi phục kinh tế sau khủng hoảng 1997-1998 và đạt được tốc độ tăng trưởng khá cao và năng động như hiện nay.

- *Về viện trợ phát triển chính thức*: Ngoài hợp tác về thương mại và đầu tư, Nhật Bản còn hỗ trợ cho các nước ASEAN thông qua viện trợ phát triển chính thức (ODA). Cho dù kinh tế có gặp khó khăn trong suốt hơn một thập kỷ kể từ đầu những năm 1990 đến nay, song ODA của Nhật Bản dành cho các nước ASEAN vẫn luôn đứng đầu trong số các nước và các tổ chức tài trợ trên thế giới với 9,5 tỷ USD năm 1997; 10,68 tỷ USD năm 1998 và 10,5 tỷ USD năm 1999. Có thể nói, các nước ASEAN là nhóm nước nhận viện trợ nhiều nhất của Nhật Bản, chiếm 39,7% năm 1980; 50,5% năm 1990 và tiếp tục chiếm trên 50% cho đến tận những năm gần đây. Các khoản ODA của Nhật Bản đã đóng góp cho việc điện khí hoá cho 22% thành phố và thị trấn ở Thái Lan; 50% tổng sản lượng điện ở Malaixia, 55% khả năng cung cấp nước ở thành phố Giacácta (Inđônêxia) và 50% mạng phủ sóng viba, điện thoại ở Inđônêxia. Trong nông nghiệp, các khoản cho vay bằng đồng yên Nhật đã cấp vốn cho các dự án thuỷ lợi, phục vụ tưới tiêu cho 9% tổng số đất nông nghiệp ở Inđônêxia và các dự án cung cấp nước tới khoảng 30% tổng số hộ gia đình ở Thái Lan. Trong các lĩnh vực hợp tác kỹ thuật, các nước ASEAN vẫn là nhóm nước nhận viện trợ kỹ thuật của Nhật Bản nhiều nhất. Vấn đề đào tạo sinh viên các nước ASEAN là nội dung chính của chương trình đào tạo kỹ thuật. Ngoài ra còn có các nội dung khác như vấn đề về y tế, sức khoẻ cộng đồng (Thái Lan), nông nghiệp và giao thông vận tải (Inđônêxia), sản xuất và cơ sở hạ tầng xã hội (Malaixia), nông nghiệp và hành chính công (Philippin), thương mại và cơ sở hạ tầng (Xingapo)...

Các khoản viện trợ ODA của Nhật Bản đã giúp các nước ASEAN đẩy mạnh quá trình xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội, tạo việc làm cho khu vực nông thôn và khuyến khích tiêu dùng. Nhờ có ODA các nước ASEAN cũng đã thu được lợi từ việc chuyển giao kỹ thuật và kỹ năng quản lý của Nhật

Bản. Có thể nói, viện trợ phát triển của Nhật Bản đã góp phần rất lớn đối với sự phát triển của các nước ASEAN, điều này thực sự được ghi nhận là những đóng góp quốc tế mang tính thiện chí cho sự ổn định và phát triển của các nước ASEAN nói riêng cũng như của cả khu vực nói chung.

2. Hợp tác Nhật Bản - ASEAN trong những năm gần đây và triển vọng

Trong bối cảnh tiến trình hội nhập kinh tế khu vực ngày càng được đẩy mạnh và quan hệ hợp tác giữa Nhật Bản và ASEAN ngày càng đạt được những thành quả hết sức tốt đẹp, trong chuyến thăm Singapore vào năm 2002, Thủ tướng Nhật Bản đã đưa ra sáng kiến xây dựng đối tác kinh tế toàn diện ASEAN - Nhật Bản (AJCEP). Sáng kiến này đã được Lãnh đạo các nước ASEAN và Nhật Bản đồng thuận ký tuyên bố chung vào tháng 11 năm 2002 tại Brunei. Sau đó, khung khổ và các định hướng triển khai sáng kiến này đã được đưa ra thảo luận trong cuộc họp các Bộ trưởng kinh tế ASEAN và Bộ trưởng Kinh tế, Thương mại và Công nghiệp Nhật Bản (AEM-METI) vào tháng 9 năm 2003. Từ thời điểm này, các quan hệ hợp tác giữa Nhật Bản và ASEAN đã bước sang một giai đoạn mới với những thay đổi cả về chất và lượng. Những thay đổi này có thể tóm lược lại trên một số nét chính sau đây:

- *Thứ nhất*, hợp tác ASEAN - Nhật Bản sẽ hướng tới mục tiêu xây dựng một khu vực mậu dịch tự do giữa Nhật Bản với toàn khu vực ASEAN (khác với hình thức hợp tác trước đây là hợp tác song phương với từng thành viên của ASEAN). Trong bối cảnh khu vực mậu dịch tự do ASEAN (AFTA) đang được hiện thực hoá thì việc hình thành khu vực mậu dịch tự do Nhật Bản - ASEAN sẽ tạo ra nhiều cơ hội kinh doanh hơn cho doanh nghiệp của cả các nước ASEAN lẫn Nhật Bản .

- *Thứ hai*, chính phủ các nước ASEAN cần thay đổi chính sách thương mại/đầu tư và chính sách công nghiệp từ cách tiếp cận truyền thống (dựa vào hạn chế nhập khẩu và trợ cấp xuất khẩu) sang cách tiếp cận theo hướng xây dựng chính sách dựa vào cạnh tranh trên thị trường ASEAN thống nhất. Các nước ASEAN phải chuyển từ lợi thế lao động rẻ, sản xuất lắp ráp hàng hoá có giá trị gia tăng thấp, dựa vào nguyên vật liệu nhập khẩu sang sản xuất hàng hoá giá trị gia tăng cao hơn dựa vào lợi thế cạnh tranh của mình và các ngành công nghiệp phụ trợ trong nước.

- *Thứ ba*, về phía mình, Nhật Bản cũng nỗ lực cải cách công nghiệp và cải cách hệ thống công ty để đẩy mạnh hơn nữa quan hệ thương mại và đầu tư của Nhật Bản với các nước ASEAN. Đồng thời Nhật Bản cũng cần có những chính sách đáp ứng mong đợi của các nước ASEAN trong việc mở rộng xuất khẩu hàng nông sản và dịch chuyển lao động theo hướng mang lại lợi ích dài hạn cho cả Nhật Bản và ASEAN.

- *Thứ tư*, do sự cách biệt về trình độ phát triển giữa các nước ASEAN còn khá lớn, cụ thể là giữa 6 thành viên ASEAN cũ (ASEAN-6) và 4 nước mới gia nhập ASEAN (Campuchia, Lào, Myanma và Việt Nam gọi tắt là CLMV), hợp tác Nhật Bản - ASEAN cần chú trọng vào việc giúp đỡ các nước CLMV hội nhập thành công với cộng đồng ASEAN. Ngoài sự giúp đỡ thông qua chính sách đối xử đặc biệt (như việc kéo dài chính sách tự do hóa thương mại cho các nước này), Nhật Bản và ASEAN cần thiết kế những chương trình hỗ trợ đặc biệt khác giúp các nước CLMV tham gia vào AJCEP đồng

thời tăng cường sự đoàn kết trong ASEAN, tạo thành một thị trường ASEAN thống nhất.

- *Thứ năm*, hợp tác Nhật Bản - ASEAN không chỉ dừng lại ở tự do hóa thương mại và đầu tư mà còn khuyến khích các hình thức hợp tác kinh tế và kỹ thuật khác, trong đó quan trọng nhất là hợp tác phát triển thị trường vốn. Dưới góc độ này, Nhật Bản và ASEAN có thể kế thừa hoặc đưa ra những sáng kiến mới tương tự như sáng kiến hợp tác trong khuôn khổ APEC.

- *Thứ sáu*, mục tiêu cuối cùng của hợp tác Nhật Bản - ASEAN không phải là tạo lập một tiểu khu vực mậu dịch tự do khép kín chỉ có ASEAN và Nhật Bản mà nhằm hướng tới một mục tiêu xa hơn là xây dựng khu vực mậu dịch tự do Đông Á, trong đó bao gồm các tiểu khu vực như ASEAN và Đông Bắc Á.

Để thực hiện được các mục tiêu trên, trong những năm trước mắt, hợp tác Nhật Bản - ASEAN sẽ tập trung giải quyết một số nhiệm vụ cụ thể như:

(1) Giảm các rào cản đối với thương mại và đầu tư: Việc giảm các rào cản này sẽ có lợi đối với cả ASEAN và Nhật Bản trong việc thu hút nhiều hơn nguồn vốn đầu tư và mở rộng trao đổi thương mại. Ngay trong trường hợp khu vực mậu dịch tự do ASEAN - Trung Quốc được thực hiện trước thì khu vực mậu dịch ASEAN - Nhật Bản vẫn mang lại lợi ích cho các nước ASEAN và Nhật Bản. Về vấn đề này, trong những năm gần đây đàm phán về khu vực mậu dịch tự do (FTA) giữa Nhật Bản và ASEAN đã được xúc tiến và đã đạt được những kết quả sơ bộ. Tuy nhiên, trở ngại lớn nhất trong đàm phán hiện nay là vấn đề thị trường nông sản của Nhật Bản và việc nhận lao động xuất khẩu từ các nước ASEAN sang Nhật Bản.

(2) Hoàn thành việc thiết lập thị trường chung ASEAN: Thực hiện đúng tiến trình đã cam kết nhằm thiết lập thị trường chung ASEAN là điều kiện cần để ASEAN tối đa hoá những lợi ích mà hợp tác Nhật Bản - ASEAN có thể mang lại. Ngoài ra, những hoạt động hợp tác khác như hài hoà hoá và đơn giản hoá các thủ tục hải quan, những tiêu chuẩn hàng hoá và qui định kỹ thuật trong khu vực cũng là rất cần thiết để tạo điều kiện giảm chi phí giao dịch thương mại giữa các nước trong khu vực. Trong bối cảnh các công ty Nhật Bản đẩy mạnh chuyên môn hoá và phân công lao động quốc tế, trong đó có sự phân công lao động giữa Nhật Bản và các nước ASEAN thì việc thúc đẩy sớm hình thành một thị trường chung ASEAN sẽ tạo điều kiện để các công ty Nhật Bản có thể khai thác tối đa những lợi ích do sự phân công lao động trong khu vực mang lại. Trong khuôn khổ hợp tác ASEAN, Nhật Bản ủng hộ ý tưởng xây dựng Cộng đồng kinh tế ASEAN. Tuy nhiên, để thực hiện ý tưởng đó, ASEAN phải có những bước cải cách nhất định trong tổ chức nội bộ Ban Thư ký ASEAN. Đặc biệt ASEAN phải chuyển từ hình thức "hợp tác liên chính phủ" sang hình thức "thể chế khu vực".

(3) Cải cách cơ cấu ngành trong các nền kinh tế ASEAN: Những năm gần đây, sau quá trình phát triển theo hướng công nghiệp hoá, các nước ASEAN, đặc biệt là ASEAN-6, đã mất dần lợi thế về lao động giản đơn dồi dào. Trình độ công nghệ của các nước này hiện nay vẫn còn rất thấp, chưa tạo ra được các lợi thế cạnh tranh. Trong bối cảnh cạnh tranh gay gắt từ Trung Quốc, các nước ASEAN cần phải tự tạo ra những lợi thế cạnh tranh mới thông qua việc phát triển nguồn nhân lực, tạo lập những kỹ năng và công

nghệ mới để đạt đến một nấc thang công nghệ cao hơn. Các nước ASEAN nên chuyển định hướng chính sách công nghiệp từ việc bảo hộ một số ngành công nghiệp trong nước sang chính sách khuyến khích cạnh tranh. Chỉ khi các doanh nghiệp ASEAN thành công trong thị trường khu vực ASEAN hay Đông Á thì họ mới có thể vươn lên những nấc thang công nghệ cao hơn như các doanh nghiệp vừa và nhỏ của Nhật Bản. Theo hướng đó, cả khu vực sẽ thu hút được nhiều vốn hơn và giữa các doanh nghiệp trong khu vực sẽ có sự phân công lao động, có mối liên hệ chặt chẽ hơn và cùng có lợi. Hiện nay, một số nước như Singapore, Thái Lan, Malaysia đang chuyển hướng từ nền kinh tế dựa vào sản xuất sang nền kinh tế dựa vào tri thức. Tuy nhiên, vì nhiều lý do, cho đến nay, Indonesia và Philipines vẫn chưa có dấu hiệu chuyển dịch rõ ràng theo hướng này.

(4) *Cải cách cơ cấu của Nhật Bản:* Sau thời kỳ suy thoái, hiện nay kinh tế Nhật Bản đã và đang phục hồi. Nhật Bản cũng đang tiến hành cải cách hành chính công, luật pháp và cơ cấu công nghiệp và hệ thống công ty. Trong những năm gần đây, Chính phủ Nhật Bản đã tiến hành chương trình cải cách lớn về chính sách thuế, chi tiêu công trong xây dựng cơ sở hạ tầng, phúc lợi xã hội và chính quyền địa phương. Tháng 4 năm 2003, Nhật Bản đã ban hành Luật Tái thiết Công nghiệp và những Khu vực đặc biệt cho cải cách cơ cấu. Để có thể sớm triển khai thực hiện sáng kiến đối tác kinh tế toàn diện ASEAN - Nhật Bản, Nhật Bản cần xem xét việc mở rộng hợp tác trong lĩnh vực nông nghiệp (mở rộng hơn nữa thị trường Nhật Bản cho hàng nông sản của các nước ASEAN) và dịch chuyển lao động (đặc biệt là lao động có kỹ thuật cao) giữa hai bên.

(5) *Hợp tác xây dựng môi trường chính sách:* Để có thể tận dụng được các lợi ích do hợp tác Nhật Bản - ASEAN mang lại, Nhật Bản và ASEAN cần phải phối hợp trên nhiều lĩnh vực khác nhau nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp hoạt động. Đặc biệt là các hoạt động hợp tác như: hợp tác về thủ tục hải quan, tiêu chuẩn hàng hoá, sở hữu trí tuệ, chính sách cạnh tranh, những quy định về vận chuyển và truyền thông cần phải được thảo luận để có thể tạo môi trường đầu tư thuận lợi, cạnh tranh lành mạnh và thông suốt trong toàn khu vực. Nhật Bản cần sẵn sàng cung cấp những hỗ trợ kỹ thuật để giúp các nước ASEAN phát triển tiềm năng công nghệ và kỹ năng lao động.

(6) *Hợp tác tài chính và phát triển thị trường vốn:* Cuộc khủng hoảng tài chính khu vực năm 1997 cho thấy hợp tác tài chính giữa các nước trong khu vực là hết sức cần thiết nhằm đảm bảo sự phát triển ổn định của khu vực trong tương lai. Chính vì vậy, hợp tác tài chính cần được tăng cường trong khuôn khổ đối tác kinh tế toàn diện ASEAN - Nhật Bản. Cụ thể là hỗ trợ thực hiện sáng kiến đang có hiện nay như hỗ trợ phát triển thị trường trái phiếu Châu Á. Cả Nhật Bản và ASEAN cần có những biện pháp hỗ trợ cho thị trường này hoạt động một cách hiệu quả thông qua việc thiết lập các quy định hoạt động của thị trường, cơ chế trao đổi và thanh toán, phát triển các chuẩn mực và đánh giá mức độ tín nhiệm khu vực. Ngoài ra, trong lĩnh vực này, các bên có thể xem xét việc thúc đẩy hợp tác về phát triển cơ chế giám sát kinh tế, điều phối chính sách kinh tế vĩ mô, xem xét việc sử dụng đồng yên rộng rãi hơn trong ASEAN và thử nghiệm một số hình thức điều phối tỷ giá hối đoái giữa đồng yên và các đồng tiền khác trong khu vực.

(7) Hỗ trợ các nước thành viên mới của ASEAN: Hợp tác Nhật Bản - ASEAN cần chú trọng hỗ trợ đối với các thành viên mới của ASEAN như Cămpuchia, Lào, Việt Nam, và Myanma để sớm rút ngắn khoảng cách giữa các nước này với các nước ASEAN-6. Về vấn đề này, bước đầu Nhật Bản đã dành 3 tỷ USD để phát triển nhân lực và lưu vực sông Mêkông. Trong đó, 1,5 tỷ USD sẽ được dành cho việc phát triển Tiểu vùng Mêkông và 1,5 tỷ USD sẽ được dành cho các nhu cầu cụ thể, gồm cả chi phí cho việc trao đổi khoảng 40.000 người giữa Nhật Bản và ASEAN trong các lĩnh vực hoạch định chính sách và hành chính công; công nghiệp và năng lượng; và trong 5 lĩnh vực ưu tiên khác.

*

* *

Tóm lại, hợp tác Nhật Bản - ASEAN đã trải qua một quá trình nhiều thập kỷ với những bước thăng trầm song luôn nằm trong chiều hướng phát triển đi lên. Từ chỗ chỉ đơn thuần là những bạn hàng thương mại của nhau, hợp tác giữa Nhật Bản và ASEAN đã phát triển sang nhiều hình thức phong phú và đa dạng. Hiện nay, quá trình hợp tác Nhật Bản - ASEAN đã tiến tới việc xây dựng đối tác kinh tế toàn diện trong những thập kỷ đầu của thế kỷ 21. Đàm phán Hiệp định thương mại tự do (FTA) giữa Nhật Bản và ASEAN cũng đã và đang có những tiến triển khả quan. Có thể khẳng định rằng những tác động của quá trình hợp tác Nhật Bản - ASEAN đến tiến trình xây dựng Cộng đồng ASEAN là to lớn và rất hữu hiệu. Những tác động này không chỉ dừng ở việc giúp cho ASEAN xây dựng và phát triển để sớm trở thành một cộng đồng kinh tế, cộng đồng chính trị, và cộng đồng văn hoá trong một tương lai không xa, mà còn góp phần đáng kể vào tiến trình liên kết Đông Á - một xu hướng khách quan khó có thể đảo ngược trong điều kiện hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ngô Xuân Bình (Chủ biên), *Quan hệ Nhật Bản - ASEAN: Chính sách và tài trợ ODA*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1999

2. *Japanese - Affiliated Manufacturers in Asia - ASEAN and India - (Survey 2006)*, Overseas Research Department, Japan External Trade Organization (JETRO), March 2007;

3. *Japanese Economy in 2006 and Beyond: Despite Slow Growth, Record Postwar Expansion Achieved*, Japanese Economy Division, Economic Research Department, Japan External Trade Organization (JETRO), February 2007;

4. *Tạp chí nghiên cứu Đông Bắc Á*, các số: 3(63) tháng 5/2006; 7(67), 9/2006; 9(69), 11/2006;

Tạp chí nghiên cứu Nhật Bản và Đông Bắc Á, các số: 2(50), 4/2004; 2(56), 4/2005; 1(37) 2/2002; 2(44) 4/2003; 3(45), 6/2003;

Tạp chí nghiên cứu Nhật Bản, các số: 2(26) 2/2000; 4(34), 8/2001

5. *Tài liệu tham khảo*, TTXVN (nhiều số)

6. *Thời báo Kinh tế Việt Nam* (nhiều số)

7. *Báo Đầu tư* (nhiều số).